

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1001/2018/HNGĐ - ST**
Ngày 05 - 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

2. Ông Phạm Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 670/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Nhật N, sinh năm 1989.

Trú tại: 180 Lê Thanh Nghị, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Bích C, sinh năm 1993.

Trú tại: phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Anh N có mặt; chị C vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Bùi Nhật N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh với chị Ngô Thị Bích C qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Q vào ngày 25/10/2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị C cờ bạc gây nợ nần. Anh N nhiều lần nhắc nhở nhưng chị C không nghe; do đó vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Đến tháng 4/2014 chị C tự về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay và hai bên không liên lạc qua lại. Nay anh nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị C để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Anh với chị C không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

- *Bị đơn chị Ngô Thị Bích C*: Tòa đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị C không đến Tòa làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn anh Bùi Nhật N thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh N xin ly hôn chị C; anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Bùi Nhật N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với chị Ngô Thị Bích C, trú tại địa chỉ: Tổ 23B, KV5, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; xét xử cho chị Ngô Thị Bích C nhưng chị C không đến Tòa làm việc. Qua xác minh tại nơi cư trú được biết,

chị C hiện còn sinh sống tại địa phương; đây là trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bùi Nhật N và chị Ngô Thị Bích C đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2013 tại UBND phường Đ, thành phố Q trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh N, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà anh được hơn 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do chị C cờ bạc gây ra nợ nần; anh N nhiều lần nhắc nhở nhưng chị C không nghe. Cũng vì nợ nần nên vợ chồng hay cãi nhau, xúc phạm nhau. Đến tháng 4/2014 chị C tự về nhà mẹ ruột sinh sống và từ đó cho đến nay vợ chồng không gặp, không liên lạc và mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Mâu thuẫn giữa anh N và chị C cả hai gia đình đều biết, có động viên, hàn gắn nhưng không được. Do đó, anh N yêu cầu được ly hôn chị C để ổn định cuộc sống riêng.

HĐXX nhận thấy: Anh N, chị C đã sống ly thân từ lâu, hai bên gia đình cố gắng động viên hàn gắn tình cảm nhưng không được. Từ khi ly thân cho đến nay hai bên không liên lạc, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị C cố tình không đến Tòa để hòa giải, điều đó chứng tỏ chị không có thiện chí trong xây dựng hạnh phúc gia đình với anh N. Nhận thấy tình cảm giữa anh N, chị C thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa anh N, chị C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

[2.2] Về con chung: Anh N, chị C không có con chung nên Tòa không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh N phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Nhật N được ly hôn với chị Ngô Thị Bích C.
2. Về con chung: Anh N, chị C không có con chung nên Tòa không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa không giải quyết.
4. Về án phí: Anh Bùi Nhật N phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009995 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q (đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND Phường Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định